

Số: 5611 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gõ hợp pháp Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, được ban hành;

Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông

nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Quyết định số 1439/QĐ-BNN-TCLN ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành quy chế quản lý và sử dụng Hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 2;
- Các Bộ: Công an; Khoa học và Công nghệ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng;
- Lưu: VT, LNK, CDS.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Trị

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT
CƠ SỞ DỮ LIỆU LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về kiến trúc, mô hình, cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu; về thu thập, quản lý, lưu trữ, kết nối, chia sẻ, khai thác sử dụng dữ liệu và bảo đảm an toàn, bảo mật cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, các Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu thập, xây dựng, cập nhật, lưu trữ, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, cung cấp, khai thác sử dụng dữ liệu và bảo đảm an toàn, bảo mật cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dữ liệu chủ là dữ liệu chứa mã định danh đối tượng và thông tin cơ bản nhất để mô tả một đối tượng cụ thể, làm cơ sở để tham chiếu, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu hoặc các tập dữ liệu khác nhau. Dữ liệu chủ thuộc cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được sử dụng thống nhất, xuyên suốt và tham chiếu, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu, tập dữ liệu trong bộ, ngành, địa phương đó.

2. Dữ liệu mở là dữ liệu mà mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đều được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu không thuộc diện bị cấm công khai do liên quan đến an ninh quốc gia, quyền riêng tư, bí mật thương mại hoặc các lý do khác theo quy định của pháp luật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đều được tiếp cận, tự do khai thác, sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.

3. Dữ liệu danh mục dùng chung là dữ liệu về các danh mục, bảng mã phân loại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, được sử dụng chung trong các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất.

4. Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi, được nhận, được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

5. Thu hồi dữ liệu là việc yêu cầu chuyển giao lại dữ liệu và thực hiện xóa, hủy dữ liệu đã cung cấp hoặc yêu cầu ngừng xử lý, sử dụng dữ liệu trong trường hợp không thể xóa, hủy dữ liệu.

6. Xóa dữ liệu là hoạt động loại bỏ dữ liệu khỏi cấu trúc, môi trường đang được lưu trữ.
7. Hủy dữ liệu là hoạt động loại bỏ dữ liệu khỏi cấu trúc, môi trường đang được lưu trữ và bảo đảm loại bỏ khả năng phục hồi bằng phương thức ghi đè hoặc phá hủy vật lý.
8. Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu là hệ thống thông tin quản lý tập trung danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất xây dựng và quản lý để cung cấp cho các cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng
9. Cấu trúc dữ liệu trao đổi là cấu trúc của thông điệp dữ liệu được trao đổi giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.
10. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu là các dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hoặc thu nhận dữ liệu từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua các hệ thống thông tin. Trong hệ thống thông tin, dịch vụ chia sẻ dữ liệu là giao diện tương tác của phần mềm phục vụ tiếp nhận kết nối và trao đổi các thông điệp dữ liệu với các hệ thống bên ngoài.
11. Agent Node là thành phần của Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu có chức năng bảo mật điểm kết nối phục vụ trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin.
12. Kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc là việc thiết lập kết nối kỹ thuật bắt buộc giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong hệ thống chính trị nhằm chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu đã được phân quyền theo quy định, không phụ thuộc vào thỏa thuận riêng giữa các cơ quan, tổ chức.
13. Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu là hình thức chia sẻ dữ liệu cho cơ quan nhà nước khác sử dụng theo yêu cầu riêng đối với dữ liệu không được sử dụng thông dụng bởi nhiều cơ quan nhà nước khác nhau; việc chia sẻ dữ liệu theo hình thức này cần thực hiện các hoạt động phối hợp của các bên về mặt kỹ thuật để chuẩn bị về mặt hạ tầng, kỹ thuật, công nghệ để xử lý hoặc tạo ra dữ liệu phục vụ chia sẻ dữ liệu.
14. XML (eXtensible Markup Language - ngôn ngữ đánh dấu mở rộng) là một định dạng chuẩn để mã hóa dữ liệu phục vụ trao đổi dữ liệu.
15. GML (Geography Markup Language - ngôn ngữ đánh dấu địa lý mở rộng) là một định dạng chuẩn để mã hóa dữ liệu không gian phục vụ trao đổi dữ liệu.
16. JSON (JavaScript Object Notation - kiểu dữ liệu trao đổi) là một định dạng dữ liệu dựa trên văn bản được mã hóa để phục vụ trao đổi dữ liệu.
17. GeoJSON (Geographic JavaScript Object Notation - kiểu dữ liệu trao đổi các đối tượng địa lý) là một định dạng chuẩn để mã hóa các cấu trúc dữ liệu địa lý phục vụ trao đổi dữ liệu.
18. AES (Advanced Encryption Standard) - thuật toán mã hóa đối xứng phổ biến và an toàn nhất hiện nay.
19. RSA - thuật toán mã hóa bất đối xứng, được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

20. IDS (Intrusion Detection System) - giải pháp bảo mật để giám sát, phân tích và phát hiện các hoạt động xâm nhập hoặc bất thường trong hệ thống mạng.

21. IPS (Intrusion Prevention System) - giải pháp bảo mật để giám sát và ngăn chặn các hoạt động xâm nhập hoặc bất thường trong hệ thống mạng.

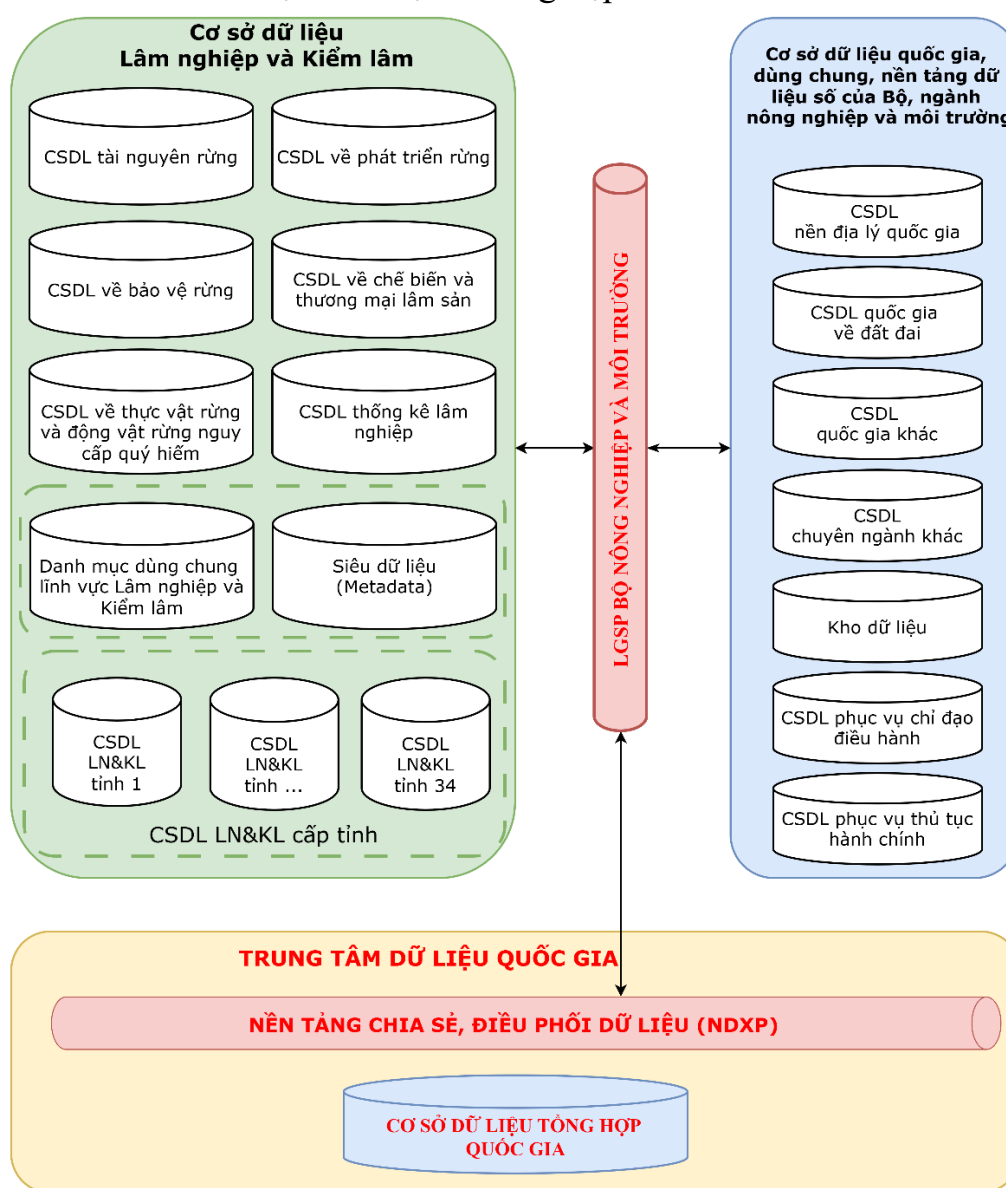
22. DMZ (Demilitarized Zone) - là một mạng con đặc biệt được tạo ra từ mạng chính để bảo vệ các máy tính chứa thông tin quan trọng khỏi các cuộc tấn công mạng từ bên ngoài.

Chương II

KIẾN TRÚC MÔ HÌNH, NỘI DUNG, CẤU TRÚC CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 4. Kiến trúc cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm

Kiến trúc cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm như sau:



Điều 5. Thành phần của cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm

Cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được tổ chức quản lý tập trung tại Trung ương, bao gồm các cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm cấp Trung ương và các cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm cấp tỉnh.

1. Cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm cấp Trung ương (tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường) do Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm cập nhật, quản lý, gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng;
- b) Cơ sở dữ liệu về phát triển rừng;
- c) Cơ sở dữ liệu về bảo vệ rừng;
- d) Cơ sở dữ liệu về chế biến và thương mại lâm sản;
- đ) Cơ sở dữ liệu về thực vật rừng và động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- e) Cơ sở dữ liệu thống kê lâm nghiệp;
- g) Danh mục dùng chung;
- h) Siêu dữ liệu (Metadata) mô tả nguồn gốc, cấu trúc, chuẩn kỹ thuật.

2. Cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm cấp tỉnh do Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm và các cơ quan địa phương khác cập nhật, quản lý thông tin dữ liệu; các cơ sở dữ liệu này được xây dựng và vận hành theo quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kết nối, chia sẻ, đồng bộ với cơ sở dữ liệu do Trung ương và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nội dung cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm

1. Dữ liệu thuộc tính:

- a) Cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng:
 - Dữ liệu về hiện trạng rừng và diễn biến rừng;
 - Dữ liệu về phân loại rừng;
 - Dữ liệu về chủ rừng;
 - Dữ liệu về đa dạng sinh học rừng;
 - Dữ liệu về dịch vụ môi trường rừng.
- b) Cơ sở dữ liệu về phát triển rừng:
 - Dữ liệu giống cây trồng lâm nghiệp;
 - Dữ liệu phát triển rừng
 - Dữ liệu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.
- c) Cơ sở dữ liệu về bảo vệ rừng:
 - Dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy rừng;
 - Dữ liệu về bảo vệ thực vật, động vật rừng;
 - Dữ liệu về phòng trừ sinh vật gây hại rừng;
 - Dữ liệu về vi phạm về lâm nghiệp.
- d) Cơ sở dữ liệu chế biến và thương mại lâm nghiệp:

- Dữ liệu về cơ sở chế biến thương mại lâm sản;
- Dữ liệu về truy xuất nguồn gốc lâm sản;
- Dữ liệu về thương mại lâm sản.

đ) Cơ sở dữ liệu về thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm:

- Dữ liệu phân bố loài thực vật rừng, loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- Dữ liệu bảo tồn loài thực vật rừng, loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- Dữ liệu báo cáo về thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

e) Cơ sở dữ liệu thống kê lâm nghiệp:

- Dữ liệu về báo cáo thống kê lâm nghiệp;
- Dữ liệu về xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

2. Dữ liệu không gian

a) Cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng:

- Hiện trạng rừng;
- Phân bố lâm sản ngoài gỗ;
- Ranh giới phân bố các kiểu thảm thực vật sinh thái phát sinh.

b) Cơ sở dữ liệu về phát triển rừng:

- Rừng trồng mới;
- Vùng nguyên liệu;
- Phân bố loài cây trồng theo đơn vị hành chính;
- Công trình lâm sinh.

c) Cơ sở dữ liệu về bảo vệ rừng:

- Vị trí các điểm vi phạm;
- Vị trí cảnh báo cháy rừng, khu vực/điểm cháy rừng;
- Ranh giới khu bảo tồn, vườn quốc gia;
- Ranh giới các khu vực có nguy cơ bị xâm hại;
- Vị trí các trạm/chốt kiểm lâm.

d) Cơ sở dữ liệu chế biến và thương mại lâm nghiệp:

- Vị trí các cơ sở chế biến lâm sản;
- Vị trí các cảng/cửa khẩu giao nhận lâm sản;
- Tuyến đường vận chuyển lâm sản;
- Ranh giới vùng nguyên liệu gắn với cơ sở chế biến.

đ) Cơ sở dữ liệu về thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm:

- Phân bố các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- Vị trí cơ sở nuôi, trồng loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

e) Cơ sở dữ liệu thông kê lâm nghiệp:

- Bản đồ kết quả kiểm kê rừng;
- Bản đồ kết quả diễn biến rừng.

3. Dữ liệu phi cấu trúc

a) Hồ sơ, tài liệu, biểu mẫu điện tử liên quan đến lâm nghiệp và kiểm lâm;

b) Hình ảnh, tệp tin đa phương tiện;

c) Dữ liệu trao đổi qua dịch vụ số, tin nhắn, văn bản điện tử.

4. Dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm

a) Dữ liệu về giống cây lâm nghiệp;

b) Dữ liệu về mã số vùng trồng;

c) Dữ liệu về mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

5. Dữ liệu danh mục dùng chung về lâm nghiệp và kiểm lâm

a) Danh mục loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm;

b) Danh mục loài động vật nguy cấp, quý, hiếm;

c) Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành lâm nghiệp;

d) Danh mục trang thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 7. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm

Cấu trúc, kiểu thông tin của các dữ liệu, tài liệu của cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 8. Hệ quy chiếu không gian và thời gian

1. Cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được xây dựng theo quy định Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

2. Hệ quy chiếu thời gian: Ngày, tháng, năm theo Dương lịch; giờ, phút, giây theo múi giờ UTC + 07:00 (Coordinated Universal Time).

Điều 9. Siêu dữ liệu

1. Siêu dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm gồm các thông tin mô tả về dữ liệu của các cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm quy định tại các Điều 6 Quy định này.

2. Siêu dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm bao gồm các nhóm thông tin sau đây:

- a) Nhóm thông tin mô tả siêu dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;
 - b) Nhóm thông tin mô tả về tọa độ mặt phẳng trên hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực, múi chiều);
 - b) Nhóm thông tin mô tả dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;
 - c) Nhóm thông tin mô tả chất lượng dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;
 - d) Nhóm thông tin mô tả phương pháp và quy trình phân phối dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.
3. Siêu dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được lập, cập nhật trong phạm vi xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm đã được phê duyệt và khi có biến động về dữ liệu.
4. Siêu dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm phải được mã hóa bằng XML.
5. Cấu trúc và kiểu thông tin của siêu dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

Chương III

THU THẬP, THU NHẬN, QUẢN LÝ, LƯU TRỮ DỮ LIỆU

Điều 10. Nguyên tắc, yêu cầu thu thập, thu nhận, quản lý, lưu trữ dữ liệu

1. Việc thu thập, thu nhận dữ liệu phải đúng mục đích, đầy đủ, chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định của pháp luật.
2. Dữ liệu phải được quản lý thống nhất, bảo đảm an toàn, bảo mật, tránh thất thoát, sai lệch.
3. Việc lưu trữ dữ liệu thực hiện theo thời hạn, hình thức và quy định hiện hành; bảo đảm khả năng tra cứu, khai thác, chia sẻ khi có yêu cầu hợp pháp.

Điều 11. Thông tin, dữ liệu thu thập, thu nhận, tạo lập, cập nhật

Thông tin, dữ liệu được thu thập, cập nhật từ các nguồn sau:

1. Thu thập, cập nhật từ hoạt động nghiệp vụ, báo cáo định kỳ, điều tra, khảo sát lâm nghiệp và kiểm lâm.
2. Dữ liệu từ các hệ thống giám sát, quan trắc chuyên ngành.
3. Từ số hóa, chuẩn hóa thông tin từ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.
4. Kết nối, chia sẻ, đồng bộ, khai thác dữ liệu liên quan từ các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành khác, địa phương khi có thay đổi.
5. Dữ liệu từ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.
6. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Tần suất, thời gian, phương thức thu thập, thu nhận, cập nhật dữ liệu

1. Tần suất thu thập, thu nhận, cập nhật dữ liệu
 - a) Đối với các nguồn thông tin, dữ liệu quy định từ khoản 1 đến khoản 3 Điều 11 thu thập sau khi kết thúc nghiệp vụ, cập nhật sau khi được xử lý, chuẩn hóa và kiểm

soát chất lượng;

b) Đối với nguồn thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 4 Điều 11 thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương IV Quy định này và quy định của pháp luật về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước;

c) Đối với nguồn thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 11 thực hiện định kỳ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Phương thức thu thập, thu nhận, cập nhật dữ liệu

a) Các phương thức thu thập:

- Thu thập trực tiếp từ hoạt động nghiệp vụ lâm nghiệp và kiểm lâm;
- Thu thập gián tiếp từ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân và hệ thống tích hợp dữ liệu, Cổng thông tin;
- Thu nhận tự động thông qua các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin.

b) Trường hợp thu thập khi có đề xuất sửa đổi, bổ sung của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc khi phát hiện thông tin chưa chính xác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

c) Các đơn vị, cá nhân được giao trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu lâm nghiệp và kiểm lâm theo các phương thức: tự động, bán tự động và thủ công.

Chương IV

KẾT NỐI, CHIA SẺ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU

Mục 1

KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 13. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, các quy định có liên quan của pháp luật chuyên ngành và các quy định sau:

a) Chủ quản hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu lâm nghiệp và kiểm lâm chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình;

b) Cơ quan khai thác dữ liệu lâm nghiệp và kiểm lâm có trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ theo quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu và các quy định của pháp luật.

2. Tuân thủ các nguyên tắc chung về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan nhà nước trong hệ thống chính trị, về kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Tuân thủ đầy đủ Khung Kiến trúc số do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.